| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 240/2023/DS-ST
Ngày 20-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Quốc Trạng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 489/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng CSXHVN (viết tắt Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Số 169 LĐ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng CSXHVN.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Ngọc – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện ĐD (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Thang Quốc C, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Thang Văn Q, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Thang Quốc L, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Ông Trần Ngọc T trình bày:*

Ngày 09/12/2010, bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên:

Đối với Thang Quốc C: Ngày 10/5/2011 vay 9.000.000đ, thời hạn trả 05 năm, lãi suất 6,6%/năm, đến ngày 10/3/2013 vay 10.000.000đ, thời hạn trả 04 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/12/2013 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 09 năm, lãi suất 7,8%/năm. Tổng số vốn vay 30.000.000đ. Sau khi vay, chưa trả vốn, số tiền lãi đã trả 9.886.775đ. Số tiền nợ vốn 30.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 15.277.000đ.

Đối với Thang Quốc L: Ngày 10/12/2013 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 09 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/11/2014 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 08 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/10/2015 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 07 năm, lãi suất 7,8%/năm. Tổng số vốn vay 33.000.000đ. Sau khi vay, chưa trả vốn, trả lãi 7.167.755đ. Số tiền nợ vốn 33.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 4.125.000đ.

Ngày 21/3/2017 bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình Hộ mới thoát nghèo, đến ngày 28/3/2017 vay 50.000.000đ, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn vay 05 năm. Sau khi vay, chưa trả vốn, lãi đã trả 2.522.722đ. Số tiền nợ 50.000000đ vốn, lãi tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 18.716.000đ.

Ngày 14/4/2018 bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đến ngày 18/4/2018 vay 12.000.000đ, lãi suất 09%/năm, thời hạn vay 05 năm. Sau khi vay, chưa trả vốn, lãi đã trả 127.223đ. Số tiền nợ 12.000.000đ vốn, lãi tạm tính đến ngày 20/9/2023 là 5.735.000đ.

Tổng số nợ 168.853.000đ (vốn 125.000.000đ, lãi 43.853.000đ).

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN. Buộc bà N và anh C liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 45.277.000đ. Buộc bà N và anh L liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 37.125.000đ. Buộc bà N, anh C và anh Q liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 86.451.000đ.

Đối với bà Nguyễn Thị N, anh Thanh Quốc C, anh Thang Văn Q và anh Thang Quốc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N, anh Thanh Quốc C, anh Thang Văn Q và anh Thang Quốc L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Xét yêu cầu trả vốn, thấy rằng: Theo sổ vay vốn số KH 6001021487; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/12/2010, ngày 05/12/2013, ngày 21/3/2017, ngày 14/5/2018, giấy nhận nợ và lời trình bày của đại diện Ngân Hàng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

- Ngày 09/12/2010, bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên, cụ thể:

Khoản vay cho anh Thang Quốc C: Ngày 10/5/2011 vay 9.000.000đ, thời hạn trả 05 năm, lãi suất 6,6%/năm, đến ngày 10/3/2013 vay 10.000.000đ, thời hạn trả 04 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/12/2013 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 09 năm, lãi suất 7,8%/năm. Tổng số vốn vay 30.000.000đ. Sau khi vay, chưa trả vốn, số tiền lãi đã trả 9.886.775đ. Như vậy, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 30.000.000đ.

Khoản vay cho anh Thang Quốc L: Ngày 10/12/2013 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 09 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/11/2014 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 08 năm, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 10/10/2015 vay 11.000.000đ, thời hạn trả 07 năm, lãi suất 7,8%/năm. Tổng số vốn vay 33.000.000đ. Sau khi vay, chưa trả vốn, trả lãi 7.167.755đ. Như vậy, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 33.000.000đ.

- Ngày 21/3/2017 bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình Hộ mới thoát nghèo, đến ngày 28/3/2017 vay 50.000.000đ, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn vay 05 năm. Sau khi vay, chưa trả vốn, lãi đã trả 2.522.722đ. Như vậy, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 50.000000đ.

- Ngày 14/4/2018 bà N với Ngân hàng thỏa thuận vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đến ngày 18/4/2018 vay 12.000.000đ, lãi suất 09%/năm, thời hạn vay 05 năm. Sau khi vay, chưa trả vốn, lãi đã trả 127.223đ. Như vậy, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền vốn 12.000.000đ.

Đối với bà Nguyễn Thị N, anh Thanh Quốc C, anh Thang Văn Q và anh Thang Quốc L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng 125.000.000đ tiền vốn.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi, thấy rằng: Theo sổ vay vốn số KH 6001021487; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/12/2010, ngày 05/12/2013, ngày 21/3/2017, ngày 14/5/2018, khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 9

của Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ và sổ vay vốn, Ngân hàng yêu cầu: Bà N và anh C trả số tiền lãi 15.277.000đ. Bà N và anh L trả số tiền lãi 4.125.000đ. Bà Nương, anh Cảnh và anh Quốc trả số tiền lãi 24.451.000đ.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo sổ vay vốn số KH 6001021487; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/12/2010, ngày 05/12/2013, ngày 21/3/2017, ngày 14/5/2018, khoản 1 Điều 3 và khoản 2 Điều 9 của Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ và sổ vay vốn: Bà N và anh C liên đới trả cho Ngân hàng khoản nợ 30.000.000đ. Bà N và anh L liên đới trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ 33.000.000đ.

Theo Giấy ủy quyền ngày 14/3/2017 thể hiện bà N vay vốn theo Giấy ủy quyền của anh C và anh Q nên các đương sự liên đới trả nợ cho Ngân hàng hai khoản nợ 50.000.000đ và 12.000.000đ.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà N và anh C liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 45.277.000đ. Buộc bà N và anh L liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 37.125.000đ. Buộc bà N, anh C và anh Q liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 86.451.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu. bà N, anh C, anh Q và anh L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN.

Buộc bà Nguyễn Thị N và anh Thang Quốc C liên đới trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền 45.277.000đ (bốn mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy

nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị N và anh Thang Quốc L liên đới trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền 37.125.000đ (ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Thang Quốc C và anh Thang Văn Q liên đới trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền 86.451.000đ (tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ sau ngày 21 tháng 9 năm 2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng CSXHVN không phải chịu. Bà Nguyễn Thị N và anh Thang Quốc C phải chịu 2.264.000đ (hai triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N và anh Thang Quốc L phải chịu 1.856.000đ (một triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N, anh Thang Quốc C và anh Thang Văn Q phải chịu 4.322.000đ (bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trạng**